TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 39/2023/DS-PT
Ngày 08/02/2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 618/2023/QĐPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1958; có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bà bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Nghi Kh, xã Tân K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Nguyễn Hữu L; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh H - Văn phòng luật sư Bảo C, Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Bị đơn:***

- Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1968; có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Â, sinh năm 1975; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Nghi Kh, xã Tân K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Â: Ông Nguyễn Hữu H1; sinh năm 1968; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:* UBND huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: thị trấn Tứ K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Vũ Thị H2à - Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** *Nguyên đơn và người bảo vệ quyên và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn hình bày*:

Vợ chồng ông Nguyễn Hữu L có thửa dất số 213, tờ bàn đồ số 4, diện tích 231m^2, kích thước cạnh phía Nam giáp đất gia đình ông Đồng 17m, cạnh phía Tây giáp đất gia đình ông Hân 14m, cạnh phía Đông giáp ao tập thể 13,4m, cạnh phía Bắc giáp đất của vợ chồng ông H1, bà Â 17,6m, được UBND huyện Tứ K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 397848 ngày 15/10/2005 đứng tên hai vợ chồng. Nguồn gốc thửa dất là của cụ Nguyễn Hữu Đ1 (bố ông L) tách cho. Cụ Đ1 được sử dụng diện tích bao nhiêu m^2, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa thì ông, bà không nắm được. Năm 1980 cụ Đ1 tách đất thành hai thửa, một thửa phía trước tách cho ông Nguyễn Hữu Đ2 (là anh trai ông L) sử dụng, thửa còn lại cho vợ chồng ông sử dụng như hiện nay, ranh giới thửa đất theo bản đồ 299 là đường thẳng với cạnh ngõ xóm về phía đất ông H3. Giáp ranh về phía Bắc thửa đất của ông bà là thửa đất của cụ Nguyễn Trọng C và cụ Nguyền Thị Th (là ông bà ngoại của ông H1, bà Â), sau khi cụ C và cụ Th chết đã để lại cho vợ chồng ông H1, bà Â.

Năm 1999, đoàn đo dạc khảo sát lại toàn bộ diện tích đất trong thôn làm cơ sở cho việc thiết lập bản đồ, trong đó có gia đình ông. Ông và ông H1 có ra xác định mốc giới. Năm 2005 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khoảng năm 2005, vợ chồng ông H1 xây dựng bể nước, nhà tắm. Thời điểm ông H1 xây nhà tắm, bể, ông đi làm xa, chỉ có bà Đ và các con ở nhà, khi ông về thì có biết ông H1 xây các công trình trên nhưng do ông ít quan tâm và chưa có nhu cầu sử dụng nên lúc đó ông không có ý kiến gì với vợ chồng ông H1. Đến nay, sau khi xây nhà mái bằng hai tầng xong, ông mới khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ông H1 lấn chiếm đất của gia đình ông. Cơ sở để ông bà xác định và khởi kiện ông H1, bà Â lấn chiếm đất là dựa trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nhà nước đã cấp, theo đó cạnh giáp nhà ông H3 theo giấy chứng nhận là 14m tính từ ranh giới nhà ông Đ2 trở vào mới đủ nhưng hiện tại chỉ còn 12,87m, cộng 0,3m tính đến tường móng cũ như vậy thiếu 0,83m chạy dọc về phía Đông. Ngoài ra, còn căn cứ vào mốc giới do lịch sử để lại mà hiện nay dù ông bà đã phá dỡ một số công trình để xây dựng nhà mái bằng hai tầng nhưng vẫn còn chân móng nhà mái bằng cũ và đoạn tường chuồng lợn và công trình phụ.

Trước đây ông bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị Â phải trả lại là 14,11m^2, tuy nhiên căn cứ vảo sơ đồ đo đạc hiện trạng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho dến nay ông bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc ông H1, bà Â phải phá dỡ công trình là phần bể nước, phần nhà tắm để trả lại diện tích đất lấn chiếm là 22m^2, ông bà không hỗ trợ đến khi phá dỡ các công trình trên để trả lại đất cho vợ chồng ông.

** Tại biên bản lấy lời khai và các lài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn ông Nguyên Hữu H1 trình bày*:

Vợ chồng ông Nguyễn Hữu H1 có thửa đất ở thôn Nghi Kh, xã Tân K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Đương chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất là của cụ Nguyễn Trọng C và cụ Nguyễn Thị M (ông bà ngoại của ông H1), theo hồ sơ 299, là thửa đất số 590, diện tích 252m^2 đất thổ cư. Cụ Th đã chết từ năm 1988, còn cụ M tuổi cao, bị mù lòa không có con trai, ông là cháu ngoại đã vào ở và phụng dưỡng chăm sóc cụ M, ngày 14/3/1993 cụ M đã lập di chúc tặng cho vợ chồng ông toàn bộ nhà đất. Cùng năm đó, vợ chồng ông vào ở với cụ M để chăm sóc, phụng dưỡng, dến năm 1996 thì cụ M chết và ông bà quản lý, sử dụng nhà đất theo di chúc cho đến nay. Năm 1999, địa phương tiến hành đo đạc, lập bản đồ phục vụ cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà cho các hộ dân trong thôn. Trước đó ông L đã mời địa chính xã là ông Nguyễn Công Sánh vào đo dạc thửa đất theo bản đồ 299 nhưng không đo được vì hai gia đình không thống nhất được với nhau về mốc giới. Nay ông L, bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải phá dỡ phần bể, nhà tạm để trả lại 14,11m^2 đất, sau đó ông L lại thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông phải trả diện tích lấn chiếm là 22m^2 đất, vợ chồng ông không nhất trí vì không có căn cứ.

Ngày 06/11/2020, ông Nguyễn Hữu H1 có đơn đề nghi Toà án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC397848 cùa UBND huyện Tứ K cấp ngày 15/10/2005 cho ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Đ với lý do:

+ Về nguồn gốc đất: Diện tích đất ông bà đang sử dụng là của cụ Th và cụ M di chúc cho vợ chồng ông, theo hồ sơ 299, diện tích là 252m^2 nhưng khi đo đạc năm 1999 chỉ còn 212m^2; đối với dất ông L bà H1, trước đây là của cụ Đ1 chỉ có tổng diện tích 512m^2; khi tách đất cho hai con (ông Đ2 và ông L) đã thành 559m^2 + ngõ đi 16,7m^2, tổng diện tích 575,7m^2, đã tăng lên 63,7m^2.

+ Lịch sử quá trình sử dụng đất, ông L đã xây nhà mái bằng một tầng từ năm 1992, chuồng lợn, nhà vệ sinh xây sau đó một vài năm (hiện nhà và chuồng lợn đã phá dỡ nhưng vẫn còn móng). Còn đối với công trình là bếp, bể, giếng, nhà tắm của gia đình ông cũng xây trước thời năm 1999. Tuy nhiên khi làm thủ tục cấp đất cho ông L đã chồng lấn cả vào các công trình nhà ông.

+ Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cho nhà ông L có nhiều sai sót, cụ thể: Khi đo đạc ông không có nhà, không ký giáp ranh, chữ ký trong biên bản đo đạc hiện trạng ngày 15/8/1999 không phải chữ ký của vợ chồng ông và cấp đất khi đang có tranh chấp.

** Tại bản tự khai, biên bản làm việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện UBND huyện Tứ K trình bày:*

Về nguồn gốc đất của vợ chồng ông L và vợ chồng ông H1 tại thôn Nghi Kh, xã Tân K, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương đúng như các đương sự đã xác định: Thời điểm cấp giấy chứng nhận đại trà trong toàn huyện năm 2005, trong đó có việc cấp giấy chứng nhận cho vợ chồng ông L, có tiến hành đo đạc lập bản đồ phục vụ cho việc cấp giấy chứng nhận, có biên bản xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất lập ngày 15/8/1999, có đầy đủ chữ ký xác nhận của hộ ông L và ông H1 và việc cấp giấy cho ông L là đúng về thẩm quyền theo Luật đất đai năm 1993. Tuy nhiên, qua xem xét, thẩm định tại chỗ giữa Tòa án và chính quyền địa phương đã xác định có một phần diện tích theo thửa đất đã cấp giấy chứng nhận cho hộ ông L chồng lấn sang diện tích đất của hộ ông H1 đang sử dụng, hiện trạng trên đất đang có một số công trình, tài sản (nhà tắm, bể nước...) do hộ ông H1 đang sử dụng. Do đó, đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ thu thập được tại các cơ quan, đơn vị và hồ sơ đo đạc nêu trên đối chiếu, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 175; Điều 176 Bộ luật dân sự; Điều 34; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32, Điều 193 Luật tố tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Đ về việc buộc ông Nguyễn Hữu H1, bà Nguyễn Thị Â phải tháo dỡ công trình đã xây dựng để trả lại diện tích đất 22m^2.

Ranh giới thửa đất gia đình ông L và gia đình ông H1 được xác định: Từ điểm A6 (tiếp giáp ranh giới đất nhà ông H3), kéo một đường thẳng song song cách tường móng cũ nhà ông L 20cm đến điểm A27 (điểm khảo sát - điểm giữa tường nhà tắm và cách tường nhà tắm của ông H1 20cm) và tiếp tục kéo về phía Đông qua các điểm A25 (mép ngoài tường chuồng lợn của gia đình ông L), điểm A26 (mép ngoài cùng nhà vệ sinh cũ của gia đình ông L về phía Đông), điểm B2 là điểm cuối cạnh phần đất hợp pháp của ông L giáp đất ông H1, điểm A29 đến A18 là hàng rào cây + lưới B40 ngăn cách giữa đất ông L và ông H1. (Các điểm A6, A27, A25, A26, B2, A29, A18 có sơ đồ đo vẽ chi tiết kèm theo).

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC397848 của UBND huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/10/2005 đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 4, diện tích 231m^2 mang tên ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị Đ để cấp lại theo đúng diện tích, kích thước và hình thể thửa đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Đ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Nguyễn Thanh Hải đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo buộc ông H1, bà Â phải phá dỡ công trình là phần bể nước, phần nhà tắm để trả lại diện tích đất lấn chiếm là 22m^2.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Â đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; không nhất trí kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Đ nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Đ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Nguyễn Thanh Hải; bị đơn là ông Nguyễn Hữu H1 và bà Nguyễn Thị Â; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Tứ K đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án của ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Đ, thấy:

Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai, lời khai của các đương sự và tài liệu do chính quyền xã Tân K cung cấp, xác định: Về nguồn gốc các thửa đất của gia đình ông H1 theo bản đồ 299 là thửa số 590, tờ bản đồ số 7, diện tích 252m^2 đứng tên cụ Nguyễn Thế Th (ông ngoại ông H1); Thửa đất của ông L, bà Đ theo bản đồ 299 là thửa số 179, tờ bản đồ số 7, diện tích 264m^2 đứng tên cụ Nguyễn Hữu

Đ1 (bố ông L). Khi đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999, diện tích đất hộ ông L giảm còn 231m^2, hộ ông H1 giảm còn 212m^2. Kết quả đo đạc thực trạng thực tế hiện trạng sử dụng đất, diện tích thửa đất hộ ông L, bà Đ tăng thêm 6,7m^2, ngoài ra ông L, bà Đ còn quản lý 16,7m^2 lối đi được đổi cho ông Đ2, còn diện tích đất của ông H1, bà Â đang sử dụng giảm so với bản đồ 299 là 2,11m^2. Các công trình bếp, bể nước, nhà tắm do ông H1, bà Â xây dựng từ năm 1998, trước thời điểm đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân được thực hiện ngày 15/8/1999. Đại diện UBND huyện Tứ K đã xác định trong quá trình đo đạc, lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới các thửa đất của ông L, bà Đ và thửa đất của ông H1, bà Â, cán bộ thực hiện việc đo vẽ, lập biên bản không xác định đúng mốc giới, ranh giới giữa hai thửa đất, vì vậy khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà Đ đã cấp chồng lên một phần diện tích đất mà ông H1, bà Â đang sử dụng và đã xây dựng công trình trên đất từ trước thời điểm đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các công trình này ông H1, bà Â đã xây trong mốc giới đất của ông bà, mép ngoài bể nước, nhà tắm được ông H1, bà Â xây sát ranh giới giữa hai thửa đất.

Như vậy, đủ căn cứ xác định ông H1, bà Â không lấn chiếm đất của hộ ông L, bà Đ. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bị đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC397848 của UBND huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/10/2005 đối với thửa đất số 213, tờ bản đồ số 4, diện tích 231m^2 mang tên Nguyễn Hữu L, Nguyễn Thị Đ: Như đã nêu trên, trong quá trình đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H1, cán bộ đo đạc đã có sự nhầm lẫn trong việc xác định mốc giới đất do đó cấp vượt quá diện tích đất thực tế ông L, bà H1 đang sử dụng nên cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 2005 để cấp lại theo đúng diện tích sử dụng thực tế và hình thể đất. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bị đơn là có căn cứ.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Đ, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3]. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị Đ; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị Đ. Hoàn lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0004254 ngày 11/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà